

CHƯƠNG 7: **HỆ THỐNG TIỀN TỆ QUỐC TẾ (IMS)**

ThS. Nguyễn Thị Vũ Hà
Khoa Kinh tế & Kinh doanh Quốc tế
Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

MỤC TIÊU

- Hiểu được sự hình thành, phát triển và thay thế lẫn nhau của các Hệ thống tiền tệ quốc tế
- Hiểu được các vấn đề của Hệ thống tiền tệ quốc tế hiện nay

NỘI DUNG

- Khái niệm, đặc điểm chung và mục tiêu của IMS
- Quá trình hình thành, hoạt động, sụp đổ và thay thế lẫn nhau của các IMS
 - Hệ thống bản vị vàng
 - Hệ thống bản vị vàng hối đoái
 - Hệ thống bản vị vàng - đô la
 - Hệ thống tiền tệ Jamaica
 - Hệ thống tiền tệ Châu Âu và Liên minh tiền tệ Châu Âu
 - Hệ thống tỷ giá ngày nay

KHÁI NIỆM – ĐẶC ĐIỂM IMS

- **Khái niệm:**
 - IMS (trật tự tiền tệ quốc tế hay cơ chế tiền tệ quốc tế) là tập hợp những công cụ, phương tiện, thể lệ và những quy định thống nhất giữa các quốc gia trong việc tổ chức và điều hành các quan hệ tiền tệ phát sinh giữa các nước.
- **Đặc điểm:**
 - Sự tồn tại và phát triển của IMS là tất yếu và có tác động lớn đến KT
 - Ứng với mỗi giai đoạn lịch sử nhất định có một IMS riêng hoạt động.

MỤC TIÊU IMS

- Điều chỉnh các mối quan hệ về tiền tệ giữa các QG trên phạm vi toàn thế giới
- Đảm bảo sự ổn định cho các mối quan hệ tiền tệ, từ đó tạo cơ sở cho các mối quan hệ kinh tế quốc tế chung phát triển
- Giúp cho các quốc gia vừa đạt được những mục tiêu đối nội, đối ngoại vừa hạn chế tối đa những mâu thuẫn có thể nảy sinh

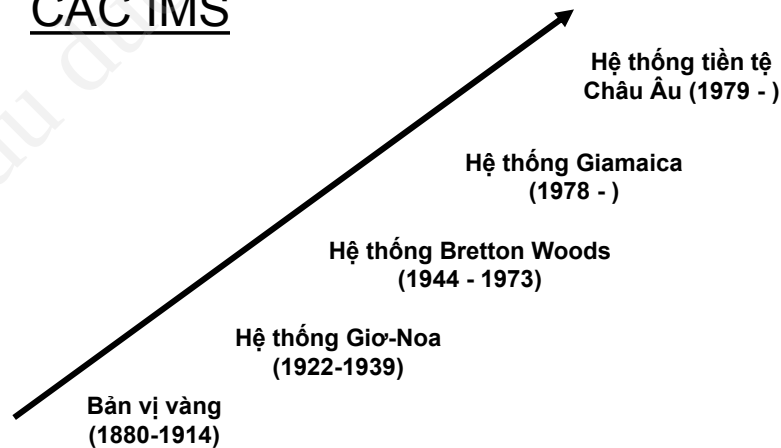
PHÂN LOẠI IMS

- **2 yếu tố cơ bản quy định sự hình thành IMS**
 - Cách thức xây dựng TGHĐ
 - Các dạng dự trữ tiền tệ quốc tế
- **Ví dụ:**
 - chế độ TGHĐ cố định với dự trữ quốc tế là vàng
→ chế độ bản vị vàng

IMS HIỆU QUẢ

- **IMS hiệu quả**
 - Giúp các QG sử dụng tối đa các nguồn lực của nước mình và ổn định mức giá cả trong nước
 - Cân bằng cán cân thanh toán
 - Thực hiện phân phối công bằng lợi ích kinh tế giữa các QG cũng như các tầng lớp xã hội trong mỗi QG khi tham gia vào hệ thống tiền tệ này
- **3 tiêu thức đánh giá**
 - Điều chỉnh: khả năng của các QG có thể duy trì hoặc tái lập cân bằng trong BoP của mình
 - Tính thanh khoản: thể hiện số tài sản dự trữ quốc tế có sẵn để giải quyết tạm thời sự mất cân đối của BoP
 - Độ tin cậy của IMS: gắn liền với khả năng duy trì cả giá trị tuyệt đối lẫn giá trị tương đối của các nguồn dự trữ ngoại tệ

CÁC IMS



BẢN VỊ VÀNG

1. *Nguồn gốc của chế độ bản vị vàng*
2. *Nguyên tắc hoạt động của chế độ bản vị vàng*
3. *Sự vận động của vàng, sự ổn định của tỷ giá hối đoái và tình trạng cán cân thanh toán*
4. *Hoạt động của chế độ bản vị vàng trên thực tế*
5. *Sự sụp đổ của chế độ bản vị vàng*
6. *Đánh giá hoạt động của hệ thống tiền tệ quốc tế thứ nhất (bản vị vàng)*

BẢN VỊ VÀNG – NGUỒN GỐC

- **Các nước sử dụng đồng tiền vàng làm phương tiện trao đổi, đơn vị tính toán và tích trữ giá trị**
 - sự khan hiếm
 - tính bền
 - có thể chuyên chở
 - dễ phân chia
 - đồng chất
 - chất lượng được duy trì lâu bền
- **Bản vị vàng với tư cách là thiết chế hợp pháp**
 - 1819: Anh
 - Thập niên 1870: Châu Âu
 - 1879: Mỹ
 - 1880: hầu hết tất cả các nước

BẢN VỊ VÀNG – NGUYÊN TẮC HĐ

- CP ấn định cố định giá vàng tính bằng đồng tiền quốc gia
 - Ví dụ, ở Mỹ giá của một ounce vàng nguyên chất (480 grains) là \$20.67 còn ở Anh là £ 4.24 → TGHĐ giữa £ và \$ là 4.87\$/ £
 - Giá trị ngang giá của vàng là giá vàng tính theo đồng tiền trong nước và được chính phủ ấn định.
- CP duy trì khả năng chuyển đổi đồng tiền trong nước thành vàng → không hạn chế mua và bán vàng tại mức giá đã quy định
- Vàng được phép trao đổi tự do giữa các nước và trở thành nguồn dự trữ quốc tế chính thức.

BẢN VỊ VÀNG – NGUYÊN TẮC HĐ

- NHTW luôn phải duy trì một lượng vàng dự trữ trong mối quan hệ trực tiếp với số tiền phát hành
 - tiền do NHTW phát hành được “đảm bảo bằng vàng 100%” và tiền được chuyển đổi tự do không hạn chế ra vàng
 - NHTW khi mở rộng cung ứng tiền cho nền kinh tế phải tuân thủ kỷ luật “chỉ phát hành tiền khi có luồng vàng từ công chúng chảy vào NHTW”
- TGHĐ được thiết lập trong khuôn khổ chế độ bản vị vàng là TGHĐ cố định

BẢN VỊ VÀNG – HẠN CHẾ DO NGUYÊN TẮC HĐ

- Cơ chế điều chỉnh BoP thông qua mức giá, lãi suất, thu nhập và thất nghiệp chứ không phải thông qua tỷ giá
→ nền kinh tế thường xuyên trải qua sự bất ổn định
 - BoP thâm hụt → thất nghiệp, kinh tế đình đốn
 - BoP thặng dư → lạm phát
- Mức cung tiền phụ thuộc vào số lượng vàng của QG (xuất hiện mỏ vàng mới, khan hiếm vàng)
 - Khi phát hiện ra các mỏ vàng mới → tăng cung ứng tiền và tăng tỷ lệ lạm phát một cách đột biến
- Vai trò của NHTW trong việc điều tiết lượng tiền trong lưu thông giảm

BẢN VỊ VÀNG – SỰ VẬN ĐỘNG

- TGHĐ được thiết lập theo mức ngang giá vàng giữa các quốc gia → mức ngang giá chính thức
 - Tỷ giá được thiết lập bằng cách đối chiếu nội dung vàng của hai đồng tiền
 - Thực tế, không phải lúc nào 2 đồng tiền cũng được trao đổi theo mức giá chính thức này do những yếu tố liên quan đến cung cầu
 - Sự trao đổi vàng tự do giữa các nước là yếu tố cơ bản giữ cho TGHĐ luôn sát với mức ngang giá chính thức
 - Khi cầu về £ tăng so với \$ → tỷ giá ($\$/\text{£}$) > mức ngang giá chính thức → mua vàng ở Mỹ rồi bán sang Anh lấy £ sau đó bán £ trên FX để lấy \$ kiếm lời → cung £ tăng → đẩy tỷ giá £/\$ về mức ngang giá chính thức

Ví dụ về sự vận động của vàng

- **Giả sử**

- TGHĐ chính thức giữa \$ và £ là 4.87\$/ £
- TGHĐ trên thị trường tự do là 5 \$/ £ > tỷ giá chính thức

→ Vàng sẽ dịch chuyển từ Mỹ sang Anh.

Cụ thể

- Tại Mỹ, dùng 20.67\$ để chuyển đổi ra 1 ounce vàng
- Chuyển 1 ounce vàng sang Anh để đổi lấy 4.24£
- Bán £ theo tỷ giá thị trường để nhận 21.20\$
- Lãi thu được là 0.53\$

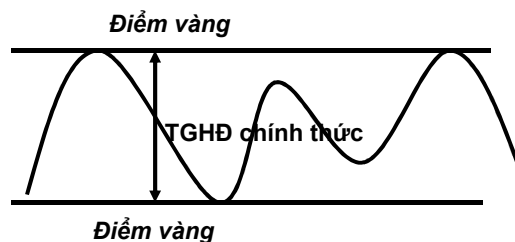
BẢN VI VÀNG – SỰ VẬN ĐỘNG

- Do vận chuyển vàng đòi hỏi chi phí (% của giá trị vàng chuyên chở) → lấy chi phí đó để quy định giới hạn dao động của TGHĐ về hai phía so với mức ngang giá chính thức
 - Các giới hạn này được gọi là điểm vàng
 - Cơ chế hoạt động nhằm giữ cho TGHĐ không vượt quá khỏi các điểm vàng được gọi là cơ chế điểm vàng
- TGHĐ cân bằng → BoP cân bằng
 - Khi TGHĐ vượt quá các điểm vàng → mất cân đối tạm thời trong BoP. Tuy nhiên, sau đó BoP lại quay trở lại trạng thái cân bằng

Ví dụ về sự vận động cân bằng của BoP

- Giả sử $IM_{\text{Mỹ từ Anh}} > EX_{\text{Mỹ sang Anh}} \rightarrow CA_{\text{Mỹ so Anh}} < 0$
- Mỹ phải thanh toán phần thâm hụt cho nước Anh bằng vàng → tạo ra luồng vàng ròng chảy từ Mỹ sang Anh
- $M_s \text{ ở Anh}$ tăng → tổng cầu và thu nhập tăng → tạo áp lực tăng giá và giảm lãi suất → 1) IM của Mỹ từ Anh giảm; 2) Kích thích nhập khẩu từ Mỹ vào Anh; 3) Vốn chảy vào Anh giảm → giảm luồng thanh toán của Mỹ cho Anh → BoP Mỹ giảm thâm hụt và BoP của Anh giảm thặng dư
- $M_s \text{ ở Mỹ}$ giảm → tương tự, giá hàng hóa Mỹ rẻ hơn và lãi suất tăng → tăng các luồng thanh toán của Anh cho Mỹ → thâm hụt BoP của Mỹ và thặng dư BoP của Anh giảm
- Cơ chế này xảy ra liên tục cho đến khi luồng vàng chảy vào Mỹ và luồng vàng từ Mỹ chảy vào Anh bằng nhau thì BoP của hai nước đều đạt được trạng thái cân bằng

BẢN VỊ VÀNG – SỰ VẬN ĐỘNG



BẢN VỊ VÀNG – THỰC TẾ

- TGHĐ được duy trì sát với mức ngang giá nhưng chỉ có một số lượng nhỏ vàng được trao đổi giữa các nước, ngay cả khi BoP mất cân đối lớn.
 - Có những yếu tố khác tác động đến TGHĐ và duy trì nó trong giới hạn các điểm vàng trước khi sự trao đổi vàng kịp diễn ra (lãi suất, thanh toán chuyển khoản, độ tin cậy)
- KTTG không gặp phải những cú sốc mà ở trong giai đoạn tăng trưởng nhanh và với qui mô lớn → Chế độ bản vị vàng không ngự trị trên toàn bộ thế giới mà chỉ ở một số quốc gia công nghiệp chủ yếu, những nước thực sự dựa vào vàng và duy trì chế độ tỷ giá cố định, và có sự tăng trưởng nhịp nhàng, đồng bộ với nhau

BẢN VỊ VÀNG – THỰC TẾ

- Do vị trí đặc biệt của mình nên nước Anh có ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định của KTTG →
 1. NHTW Anh có thể sử dụng chính sách lãi suất để điều chỉnh sự vận động của các luồng vốn →
 1. duy trì cân bằng trong BoP
 2. giảm áp lực đối với TGHĐ và giữ cho tỷ giá không dao động vượt quá điểm vàng
 2. Các nước có thể giảm mức thiếu hụt trong BoP bằng cách rút tiền từ các tài khoản của NH mình mở tại NH Anh → thanh toán giữa các nước được thực hiện bằng cách chuyển khoản số tiền gửi bằng đồng bảng tại NH Anh → giảm áp lực đối với các đồng tiền trên thị trường hối đoái, và do đó giúp duy trì sự ổn định của tỷ giá hối đoái

BẢN VỊ VÀNG – SỰ SỤP ĐỔ

- Chiến tranh thế giới thứ nhất → các QG ngừng xuất khẩu vàng để duy trì dự trữ vàng của mình.
- Chế độ bản vị vàng không còn tỏ ra thích ứng với quy mô phát triển của LLSX và các QHSX thời bấy giờ
- Trữ lượng vàng tỏ ra hạn chế trong việc thực hiện chức năng dự trữ quốc tế và là vật đảm bảo cho số lượng ngày càng gia tăng các đồng tiền, giá cả tương quan giữa vàng và các hàng hoá khác biến động mạnh, vận động của vàng làm triệt tiêu hiệu quả của chính sách tiền tệ ở các nước

BẢN VỊ VÀNG – ĐÁNH GIÁ

- Hơn 30 năm tồn tại (1880-1914) hệ thống bản vị vàng quốc tế đã liên kết chặt chẽ các quốc gia trên thế giới với nhau
- Một hệ thống hoạt động hoàn hảo, trong đó 3 quy tắc liên thông tiền tệ về bản vị vàng (giá trị ngang bằng, khả năng chuyển đổi và bảo chứng 100%) được áp dụng tương đối phổ biến và triệt để ở các nước
- Đảm bảo sự ổn định về mức giá cả thế giới
- Không có một sự phá giá hay nâng giá nào giữa các đồng tiền của các nước lớn: Anh, Pháp, Đức, Mỹ → chế độ tỷ giá cố định
- Các quy tắc không được tuân theo nghiêm ngặt (quy tắc 3)
- Không làm gì nhiều để đảm bảo mức công ăn việc làm đầy đủ

HỆ THỐNG GIO' – NOA (1922-1939)

- Bối cảnh ra đời của hệ thống tiền tệ thứ hai
- Nguyên tắc hoạt động của chế độ bản vị vàng hối đoái
- Hoạt động của chế độ bản vị vàng hối đoái

HỆ THỐNG GIO' – NOA – Bối cảnh

- Sau WWI, TGHĐ được thả nổi hoàn toàn và dao động thất thường với quy mô và tần số rất lớn → nhu cầu thiết lập một trật tự mới trong các quan hệ TM và tài chính quốc tế
 - Quan điểm: phục hồi lại chế độ bản vị vàng + bổ sung các yếu tố mới (một đồng tiền mạnh đóng vai trò là đồng tiền dự trữ và thanh toán quốc tế)
- Chế độ bản vị vàng hối đoái

HỆ THỐNG GIO' – NOA – Ngt hữ

- Bảng Anh được chuyển đổi tự do và không hạn chế ra vàng và bảng Anh được tin cậy làm phương tiện trong thanh toán quốc tế.
- Một số ngoại tệ vàng (bảng Anh, USD, FRF...) có thể đổi ra vàng theo mức giá giai đoạn trước chiến tranh thế giới thứ nhất → Các đồng tiền khác chỉ được phép chuyển đổi ra một trong số các “ngoại tệ vàng”
- Biến dạng:
 - Đồng tiền các QG khác nhau có thể bị định giá quá cao hoặc quá thấp → không ổn định
 - Các nước nắm giữ các ngoại tệ khác thay cho vàng

HỆ THỐNG GIO' – NOA – Hoạt động

- 1925: Anh tái lập khả năng chuyển đổi ra vàng của đồng bảng và xoá bỏ mọi hạn chế đối với việc xuất khẩu vàng (Mỹ: 1919)
- Năm 1931 Anh đã buộc phải tuyên bố ngừng đổi đồng bảng ra vàng và tiến hành phá giá đồng bảng để tránh sự thất thoát nguồn dự trữ của mình
 - 1928: Pháp chuyển toàn bộ mức dư BoP và số bảng Anh tích lũy được ra vàng → thủ tiêu chế độ bản vị vàng hối đoái
 - Đức vào năm 1931, Mỹ - 1933 và Pháp – 1936
 - Chính sách “trút gánh nặng lên hàng xóm”: phá giá đồng tiền, áp dụng các biện pháp thuế quan, hạn mức xuất nhập khẩu và quản lý ngoại hối → lĩnh vực tài chính - tiền tệ quốc tế rơi vào tình trạng hỗn loạn không kiểm soát được, và thương mại quốc tế giảm sút ghê gớm

HỆ THỐNG GIO' – NOA – Sụp đổ

- Thứ nhất, sự thiếu vắng của một cơ chế điều chỉnh thích đáng khi tác động của sự mất cân đối trong BoP lên mức cung tiền tệ của các quốc gia đó bị vô hiệu hóa bởi các mức ngang giá hết sức không phù hợp.
- Thứ hai, một lượng lớn vốn bất ổn chảy từ nước Anh sang các trung tâm tiền tệ quốc tế mới nổi ở New York và Paris.
- Thứ ba, sự bùng nổ của cuộc đại khủng hoảng kinh tế những năm 1929-1933

Hệ thống Bretton Woods- BWS

- Bối cảnh ra đời của hệ thống tiền tệ Bretton Woods
- Những đặc trưng cơ bản của hệ thống Bretton Woods
- Chế độ tỷ giá cố định điều chỉnh hạn chế (Hệ thống chế độ tỷ giá cố định nhưng có thể điều chỉnh)
- Quỹ tiền tệ quốc tế (International Monetary Fund - IMF)
- Khả năng chuyển đổi của các đồng tiền mậu dịch đa phương
- Hoạt động của hệ thống Bretton Woods trên thực tế
- Đánh giá hoạt động của hệ thống Bretton Woods

BWS – Bối cảnh ra đời

- Sau WW2, nền kinh tế các nước Châu Âu bị sụp đổ hoàn toàn → cần phải nhanh chóng khôi phục lại → phải nhanh chóng xây dựng hệ thống chính trị, tài chính quốc tế mới
- Mỹ đã trở thành một quốc gia mạnh nhất về ngoại thương, tín dụng quốc tế và là nước có dự trữ vàng lớn nhất thế giới (70%) → USD được sử dụng làm dự trữ của các NHTW nước ngoài.
- 1944: thành lập IMF + WB + hệ thống TGHĐ BW → hệ thống BW

BWS – Đặc trưng cơ bản

- TGHĐ có định nhưng có thể điều chỉnh khi đồng tiền bị đánh giá quá cao hoặc quá thấp
 - mỗi đồng tiền quốc gia được ấn định một tỷ giá trung tâm với USD và được phép dao động trong biên độ $\pm 1\%$.
 - Tỷ giá đồng USD, được cố định với giá vàng là \$35/ounce
- Mỗi quốc gia đều duy trì tỷ giá trung tâm của đồng bản tệ với USD, nhưng trong những trường hợp BoP bị mất cân đối cơ bản thì có thể tiến hành phá giá hay nâng giá đồng tiền
 - Nếu tỷ giá thay đổi $<10\%$ thì IMF không có ý kiến can thiệp, nhưng nếu thay đổi ở mức cao hơn thì phải có sự chấp thuận của IMF

BWS – Chế độ TG cố định đ/chỉnh hạn chế

- **chế độ tỷ giá cố định điều chỉnh hạn chế**
 - ổn định về tỷ giá xét về ngắn hạn
 - cho phép khả năng điều chỉnh tỷ giá khi BoP của đất nước lâm vào tình trạng mất cân đối cơ bản
- **Chế độ tỷ giá trong khuôn khổ BWS được đưa ra trên cơ sở áp dụng những nguyên tắc của chế độ bản vị vàng - hối đoái (bản vị vàng – đôla)**
- **Chế độ tỷ giá cố định nhưng các mức ngang giá chính thức có thể được điều chỉnh lại**

BWS - IMF

- 2 chức năng
 - Điều tiết chế độ tỷ giá của các quốc gia, giám sát việc các quốc gia tuân thủ những quy định đã được thống nhất về thương mại và tài chính quốc tế.
 - Cung cấp tín dụng cho các quốc gia thành viên gặp phải tình trạng thiếu hụt tạm thời trong BoP
- **Nhiệm vụ: bảo đảm làm tối thiểu nhu cầu phá giá và nâng giá đồng tiền của các quốc gia thành viên**
- **Nguồn vốn: do các nước góp, hoặc đi vay**
- **IMF đã xây dựng một hệ thống các hạn mức cho vay và hạn mức đóng góp đối với các thành viên**

BWS – Thực tế

- **2 giai đoạn**
 - Đói đôla (1944 - 1958)
 - Bội thực đô la (1959 - 1971) (thâm hụt BoP)
- **Ngày 15 tháng 8 năm 1971, Tổng thống Mỹ Nixon đã chính thức tuyên bố ngừng đổi đô la ra vàng theo tỷ giá chính thức: \$35/ounce “cửa sổ vàng đã bị đóng”**
- **Cải tổ của BW thất bại, USD trở thành đồng tiền quốc gia**

BWS – Đánh giá

- **BWS đã thành công trong việc thúc đẩy sự bành trướng của các hoạt động kinh tế đa phương**
- **BWS đã thiếu một cơ chế điều chỉnh phù hợp mà các quốc gia có thể sử dụng về mặt chính sách**
- **Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự sụp đổ của hệ thống BW liên quan đến tính thanh khoản, sự điều chỉnh và độ tin cậy**

Hệ thống Giamaica

- Sự ra đời của hệ thống Giamaica (tháng 4 năm 1978)
- Những nguyên tắc hoạt động chủ yếu của hệ thống Giamaica
- Hoạt động của hệ thống Giamaica trên thực tế

Hệ thống Giamaica – Sự ra đời

- Sau sự sụp đổ của hệ thống BWS tháng 3 năm 1973 thế giới chuyển sang áp dụng chế độ tỷ giá thả nổi có quản lý
- giai đoạn 1973 - 1978 được coi là giai đoạn chuyển tiếp đặc biệt vì chế độ tỷ giá thả nổi quản lý chưa được sự công nhận quốc tế chính thức
- Năm 1976, chế độ thả nổi tỷ giá có quản lý được chính thức thừa nhận
- Tháng 4 năm 1978, tại Giamaica, đánh dấu sự ra đời của hệ thống tiền tệ quốc tế thứ tư - hệ thống Giamaica mà thực chất là chế độ bản vị SDR

Hệ thống Giamaica – Ngt hữ

- Vàng hoàn toàn bị loại khỏi thanh toán quốc tế, giá vàng chính thức bị bãi bỏ, không một đồng tiền nào còn nội dung vàng nữa, các giao dịch với vàng trong khuôn khổ IMF bị cấm (dự trữ vàng của IMF bị bán đi, hạn mức bằng vàng bị bãi bỏ và chuyển sang tính bằng ngoại tệ)
- Từ năm 1974 các nguồn dự trữ và các giao dịch chính thức của IMF được tính bằng SDR, thay vì tính bằng đô la Mỹ
- Các nước hoàn toàn tự do lựa chọn chế độ tỷ giá hối đoái sao cho phù hợp với những mục tiêu của mình
- cho phép tồn tại các khối tiền tệ thu hẹp

Hệ thống Giamaica – Thực tế

Vẫn còn đang tranh luận???

Không một hệ thống nào có thể vận hành có hiệu quả nếu không tồn tại sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia

Hệ thống tiền tệ Châu Âu

- Được thành lập vào năm 1979 với việc xây dựng đồng tiền chung ECU. Sự ổn định của đồng tiền này thực hiện theo hai cách
 - thay đổi chiết khấu của NHTW
 - NHTW can thiệp trực tiếp vào thị trường tiền tệ (mua vào, bán ra)

Bản chất, mục đích của liên kết tiền tệ EU

- EMS được thành lập vào năm 1979, là một HTTT khu vực với chức năng:
 - Điều tiết các quan hệ tiền tệ trong EU
 - Kích thích quá trình liên kết giữa các nước thành viên.
 - Hình thành đồng tiền riêng nhằm chống lại sự bành trướng của đồng đô la Mỹ

Bản chất, mục đích của liên kết tiền tệ EU

- Nguyên tắc hoạt động: ECU được dùng để thiết lập các mức ngang giá chính thức giữa các đồng tiền trong khu vực và là đơn vị tính toán giữa các nước thành viên
 - Vàng được sd để đảm bảo một phần cho việc phát hành ECU
 - Chế độ TGHĐ được xây dựng trên cơ sở thả nổi tập thể các đồng tiền dưới dạng “con rắn tiền tệ Châu Âu” với giới hạn dao động tỷ giá qua lại là $\pm 2.25\%$ so với ngang giá chính thức
 - Điều tiết tiền tệ giữa các nước được thực hiện trên cơ sở tiến hành can thiệp tiền tệ một cách riêng rẽ hoặc mang tính tập thể bằng các đồng tiền của cộng đồng và USD

Cơ sở k/quan của liên kết tiền tệ Châu Âu

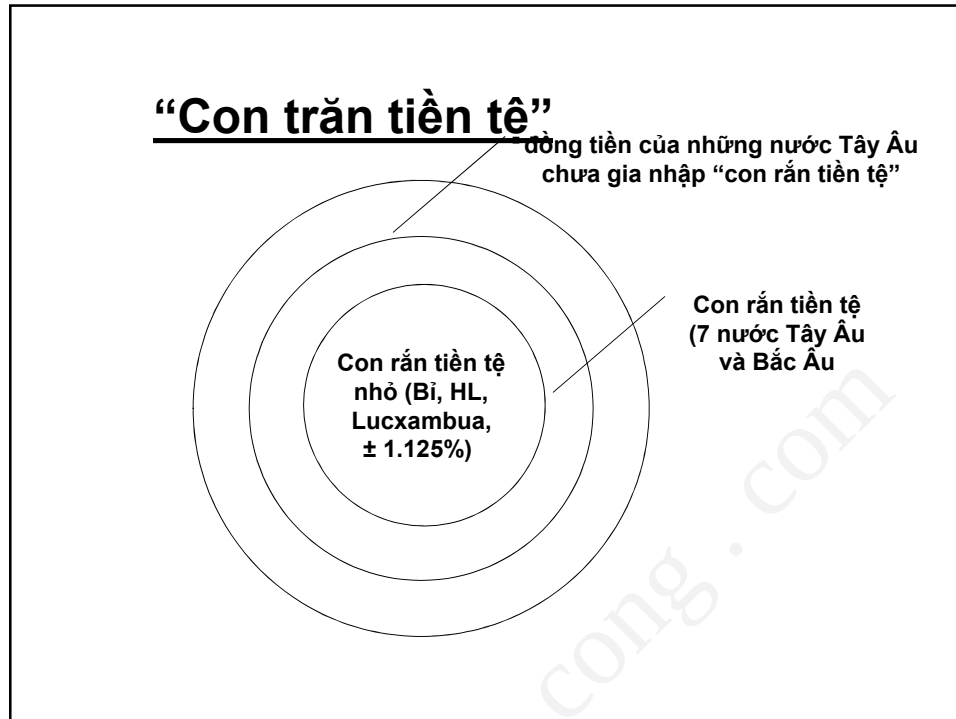
- Nhân tố sẽ bên trong:
 - sự phụ thuộc lẫn nhau, liên hệ lẫn nhau và sự kết hợp lẫn nhau của các nền kinh tế các nước thành viên EU
 - cần thiết phải tạo lập cơ chế điều chỉnh tiền tệ giữa các nước
- Nhân tố bên ngoài:
 - sự kết hợp của các cuộc khủng hoảng mang tính chất chu kỳ, khủng hoảng cơ cấu và khủng hoảng cơ chế điều tiết nền kinh tế các nước tư bản phát triển
 - sự hình thành ba trung tâm cạnh tranh đế quốc và mâu thuẫn trầm trọng giữa ba trung tâm này, trước hết là giữa Mỹ và Tây Âu.

Cơ chế liên kết tiền tệ Châu Âu

- Thiết lập chế độ tỷ giá tiền tệ liên quan lẫn nhau nhưng được điều chỉnh giữa các nước thành viên, đề ra các qui định về can thiệp tiền tệ để duy trì các tỷ giá.
- Tạo lập đồng tiền khu vực mà trong tương lai sẽ trở thành phương tiện thanh toán và dự trữ quốc tế.
- Xây dựng quỹ tiền tệ khu vực thu hút một phần hoặc toàn bộ dự trữ tiền, vàng của các nước thành viên, thực hiện phát hành tiền tệ khu vực và điều chỉnh quan hệ tiền tệ.

Hoạt động của EMS

- 1960: do ảnh hưởng của USD, tỷ giá giữa các đồng tiền của các nước Tây Âu biến động mạnh → “con rắn tiền tệ” Tây Âu (tỷ giá dao động $\pm 2.25\%$ so với USD)
- Đầu thập kỷ 1970: “con rắn tiền tệ” không phát huy tác dụng → một số nước thả nổi tỷ giá
- 12/1978: cơ chế tiền tệ mới gọi là EMS hay “con rắn tiền tệ” được hoạch định vào ngày 13/3/1979 bắt đầu hoạt động



Hoạt động của EMS (tiếp)

- Trước sự giảm giá liên tục của USD, “con rấn tiền tệ” Châu Âu đã không đảm bảo an toàn cho các nước Châu Âu trong lĩnh vực tiền tệ → EMS lấy yếu tố trung tâm của nó là đơn vị tiền tệ Châu Âu mới (ECU) → dựa trên một “cụm đồng tiền” của các nước thành viên
 - ECU được tính toán như là giá trị trung bình của các đồng tiền của các nước EEC, tức là, giống với đơn vị tính toán của EU
 - Đơn vị tính toán của Châu Âu được xác định là 1 ECU = 1.35USD (ngày 14/3 /1979)
 - Tỷ trọng của mỗi đồng tiền trong cụm sẽ được xác định lại 5 năm một lần (hoặc có thể sớm hơn tùy theo yêu cầu), và tùy theo tỷ trọng của các nước trong toàn bộ tổng sản phẩm nội địa của EC và tổng kim ngạch mậu dịch thực hiện

Hoạt động của EMS (tiếp)

- Sự thành lập EMS là một bước tiến quan trọng trên con đường đi tới thống nhất kinh tế tiền tệ tạo điều kiện dễ dàng cho quá trình lưu thông hàng hoá, dịch vụ và vốn giữa các nước thành viên.
- Nền kinh tế thế giới với sự xuất hiện của hệ thống tiền tệ Châu Âu đã trở thành một khối tiền tệ thứ 3 bên cạnh đồng đô la Mỹ và đồng yên Nhật để ổn định hệ thống tiền tệ và kinh tế quốc tế.
- Với hệ thống tiền tệ Châu Âu, các quốc gia hoặc các ngân hàng trung ương quốc gia các nước thành viên xây dựng khu vực tỷ giá hối đoái ổn định

Tiến trình thống nhất tiền tệ Châu Âu

- *Giai đoạn một:* (có hiệu lực từ ngày 1/7/1990) tự do hoá lưu thông vốn và thanh toán.
- *Giai đoạn hai:* bắt đầu từ 1/1/1994, lập ra một cơ quan tiền tệ Châu Âu - Viện tiền tệ Châu Âu - chuẩn bị cho việc lập “NHTW Châu Âu” (sẽ hoạt động vào tháng 7 năm 1996)

Tiến trình thống nhất tiền tệ Châu Âu

- **Giai đoạn ba:** đến cuối năm 1996, EEC sẽ tổng kết tình hình nếu quá một nửa số nước thành viên EC thoả mãn những điều kiện đặt ra trong giai đoạn 2 thì giai đoạn này sẽ được bắt đầu thực hiện cùng với việc chính thức thành lập “Ngân hàng trung ương Châu Âu” và phát hành đồng ECU từ ngày 1/1/1997 với tư cách là đồng tiền chung của số nước nói trên. Những nước khác phải đến khi có đủ tiêu chuẩn mới gia nhập đồng tiền này.
 - Trong trường hợp đến cuối năm 1996 số nước thoả mãn các tiêu chuẩn trên không chiếm đa số quá bán thì “giai đoạn quá độ” sẽ kéo dài thêm 2 năm nữa. Sau đó không cần có điều kiện quá bán tức là vào đầu năm 1999, đồng ECU sẽ được phát hành, dù chỉ có 2 nước đủ tiêu chuẩn.

Điều kiện đặt ra trong giai đoạn 2

- Tỷ lệ lạm phát phải hạ gần mức trung bình của 3 nước có tỷ lệ lạm phát thấp nhất hiện nay và không được cao quá mức 1,5%.
- Thâm hụt ngân sách quốc gia hàng năm không được phép vượt quá 3% và toàn bộ các khoản nợ của nhà nước không được phép vượt quá 60% tổng sản phẩm xã hội.
- Hai năm trước khi gia nhập đồng tiền chung, tỷ giá của đồng tiền mỗi nước không được phép dao động quá nhiều so với đồng tiền các nước khác.
- Mức lãi suất ở các nước phải được cân bằng với nhau và không được cao hơn 2% so với lãi suất trung bình của 3 nước thành viên có mức lãi suất thấp.

EURO

- Ra đời ngày 01/01/1999 và chính thức lưu hành trên thị trường tiền tệ thế giới như một đồng tiền chung duy nhất ở 12 nước thuộc Liên minh Châu Âu từ ngày 01/01/2002
- Chấm dứt địa vị độc tôn của đồng đô la Mỹ và tạo nên những ảnh hưởng to lớn đến nền kinh tế thế giới trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư và có những tác động sâu sắc đến các quốc gia và các khu vực trên thế giới.
- bước chuyển có tầm vóc thế kỷ không chỉ trong lĩnh vực tài chính tiền tệ mà còn cả trong đời sống kinh tế quốc tế.

Khu vực tiền tệ tối ưu - OCA

Lý thuyết về khu vực tiền tệ tối ưu

1. *Sự phụ thuộc lẫn nhau thông qua thương mại*
2. *Phản ứng đồng đều đối với các cú sốc*
3. *Sự linh hoạt của các yếu tố sản xuất*
4. *Sự hội tụ của các chính sách kinh tế vĩ mô*

- Câu hỏi
- Bình luận
- Kiến nghị